

V/v rà soát, cập nhật số liệu phương án ứng phó với thiên tai.

Kính gửi: Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai.

Thực hiện Công văn số 313/VPTT ngày 30/6/2021 của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về việc rà soát, cập nhật phương án ứng phó với thiên tai; Thường trực Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả rà soát, cập nhật số liệu phương án ứng phó thiên tai năm 2021, cụ thể như sau:

1. Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai, Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh đã ký ban hành phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước số 155/PA-PCTT ngày 10/6/2020.

2. Thực hiện nội dung văn bản số 60/TWPCTT ngày 11/5/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về việc rà soát, chủ động phương án sẵn sàng đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; Thường trực Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh đã có Công văn số 49/BCH-PCTT ngày 17/5/2021 đề nghị Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát, chủ động phương án sẵn sàng ứng phó với thiên tai trong điều kiện dịch bệnh (Công văn số 49/BCH-PCTT ngày 17/5/2021 của Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh gửi kèm theo). Kết quả triển khai các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các xã/phường/thị trấn rà soát, cập nhật phương án sơ tán dân khi có thiên tai xảy ra trong điều kiện dịch bệnh và chuẩn bị trang thiết bị, máy móc cần thiết để đo thân nhiệt.

- Các huyện, thị xã, thành phố chủ động đảm bảo lương thực, thực phẩm thiết yếu trong điều kiện dịch bệnh đang xảy ra trên địa bàn.

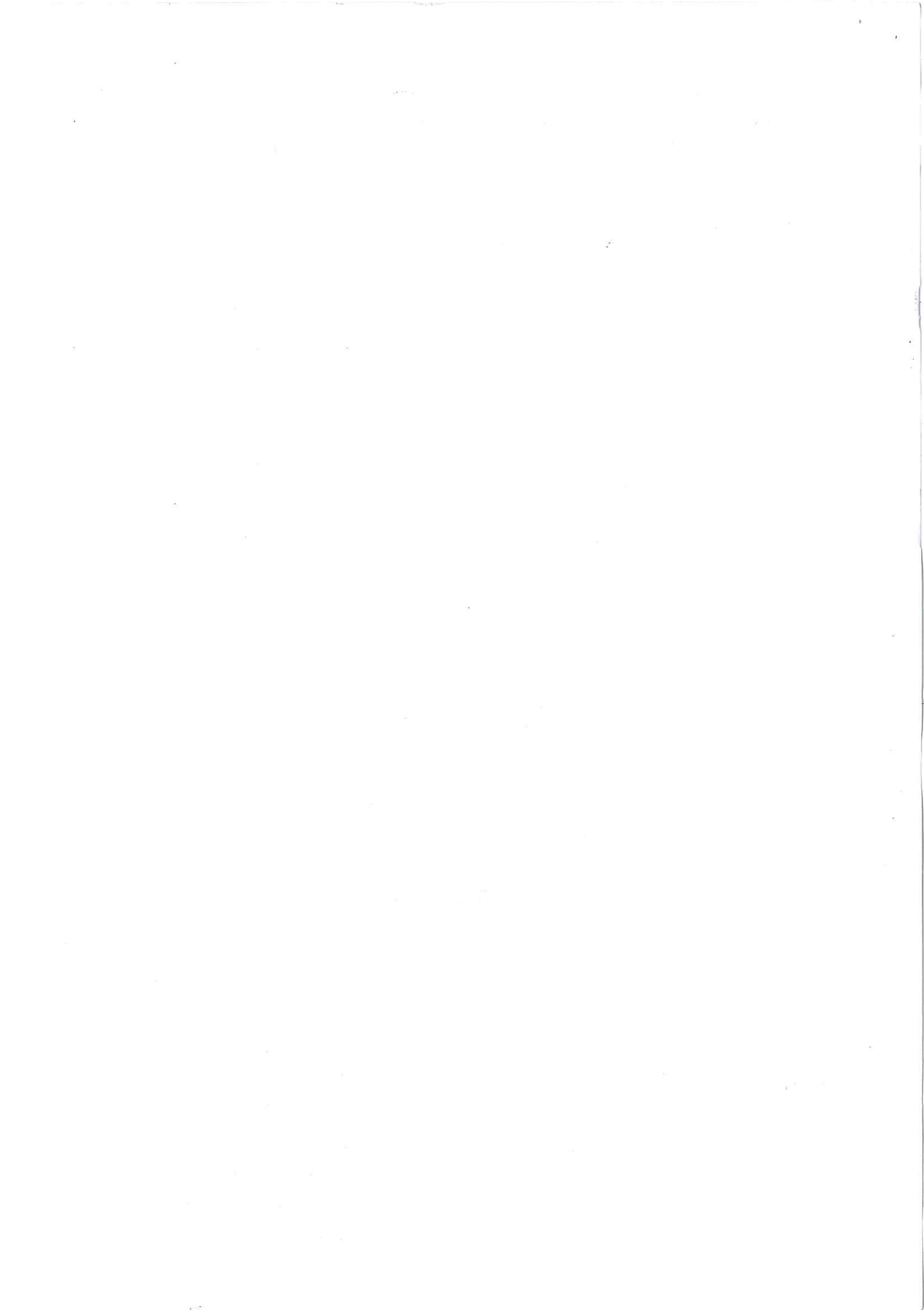
- 111/111 xã, phường, thị trấn đã rà soát, kiện toàn lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cơ sở.

- Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị, thuốc men, khẩu trang y tế ... đảm bảo an toàn dịch bệnh cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các cấp trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ và các lực lượng huy động tham gia công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc chỉ đạo, điều hành ứng phó, thông tin về thiên tai giữa các cấp: thành lập các nhóm Zalo theo từng nhóm công việc để chỉ đạo, điều hành hiệu quả, kịp thời.

3. Qua rà soát, cập nhật, tổng hợp số liệu của Ban Chỉ huy PCTT & TKCN 11 huyện, thị xã, thành phố; Thường trực Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh cung cấp thông tin theo các phụ lục chi tiết kèm theo.





Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh Bình Phước kính gửi Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (b/c);
- Trưởng ban, Phó trưởng ban;
- BCH PCTT & TKCN 11 huyện, thị xã, th/phố;
- Lưu: VP.

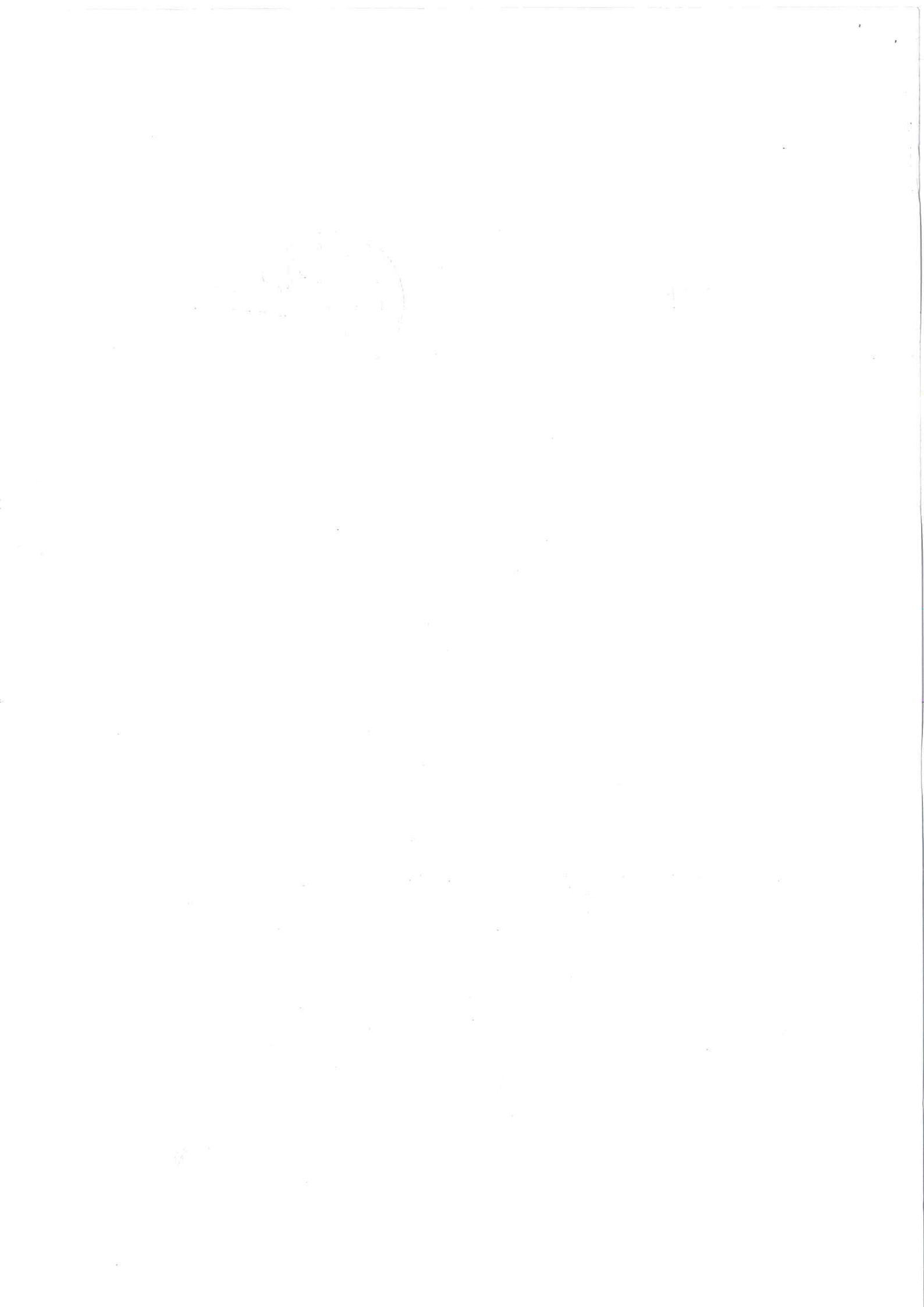
Kính

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thanh Bình





Phụ lục 1
TỔNG HỢP SỐ LIỆU LỒNG BÈ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

STT	Địa bàn	Tổng số		Số lượng		Số lượng		Khu vực nuôi trồng thủy sản
		Lồng, bè (cái)	Số hộ	Lồng (cái)	Số hộ	Bè (cái)	Số hộ	
1	Thị xã Phước Long	40	5	40	5			Lồng hồ Thác Mơ thôn Bàu Nghệ, xã Phước Tín
2	Huyện Đồng Phú	5	3	5	3	0	0	Lồng hồ Suối Giai, xã Tân Lập
3	Huyện Bù Đăng	15	12	15	12			Lồng hồ Thác Mơ (xã Đức Liễu), hồ Ông Thoại (xã Nghĩa Trung)
4	Huyện Lộc Ninh	4	2	2	1	2	1	Áp Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp
5	Huyện Bù Gia Mập	24	24	16	16			Lồng hồ thủy điện Thác Mơ và lồng hồ thủy điện Càn Đơn

Phụ lục 2
TỔNG HỢP SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CHÍNH

STT	Địa bàn	Lúa (ha)	Hoa màu (ha)	Cây lâu năm (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đàn gia súc (con)	Đàn gia cầm (con)
1	Thị xã Phước Long	105,6	65,6	7.629,1	0	2.246	9.410
2	Huyện Chơn Thành	86,36	9,7	25.483	0	80.112	1.071
3	Huyện Đồng Phú	16	105	31.101	0	5.798	68.809
4	Huyện Bù Đăng	860,34	471,21	76.362,60	34.412,66	22.344	762.960
5	Huyện Lộc Ninh	10.178,69	263,41	28.278,5	20.231,91	470.608	635.473

* KIỂM TÀI HỒNG 1.8

6	Huyện Phú Riêng	49,33	856	36.107	0	68.938	359.000
7	Bù Gia Mập	571	124	55.099,36	12.650	43.103	293.000
8	Hơn Quản	826,3	125	48.084,8	4.293,89	302.529	700.171
9	Bình Long	85,8	56,6	9.403,9	0	43.481	776.600
10	Bù Đốp	1.980	1.060	11.034	4.069	209.135	151.520
11	Đồng Xoài	0	298,86	9.589,8	0	9.439	140.351

Phụ lục 3

DANH MỤC VỊ TRÍ BÒI LẤP CỬA SÔNG (nếu có)

STT	Cửa sông	Phạm vi bồi lấp			Mức độ ảnh hưởng
		Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	
1	Không có				

Phụ lục 4

PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN VÙNG NGUY CƠ VỀ SẠT LỔ ĐẤT, LŨ QUÉT

STT	Huyện	Sạt lở bờ sông		Lũ quét		Sạt lở núi		Vùng thường xuyên chia cắt, ngập sâu	
		Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người
1	Thị xã Phước Long (phường Sơn Giang)							120	
2	Huyện Đồng Phú							100 (xã Đông Tiến), 18 (xã Tân Phước)	
3	Huyện Bù Đăng							0	
	Xã Đăng Hà	281	1.199	0	0			0	0

	- Áo mưa chuyên dùng	cái		145	305	16	204	40		59	0	198
	- Flycam	cái		0	11					1	0	
	- Loa cầm tay		10	20	13	2	13	2	30	27	20	10
	- Dây thừng	m	1100	5.000	2.700	1.000	2.560	1.380	1.200	7.505	1.750	4.500
	- Máy Icom	cái		0								6
	- Các trang thiết bị khác	...		90								246
3	Phương tiện											
	- Xe cứu hộ các loại	chiếc	1	0	1	0	5	114		3		3
	- Xe chữa cháy	chiếc	2	5	1	0	2					
	- Tàu, thuyền cứu nạn	chiếc	2	0	0	0	0	1		12		3
	- Ca nô	chiếc	2	0	1	2	2	1		3		2
	- Số ô tô có thẻ huy động	cái		48		50		50			65	80
	+ Xe 45 chỗ	cái	5	1	2	9	4				2	5
	+ Xe 25-29 chỗ	cái	20	10	2	6	40	30	3	3	22	10
	+ Xe 16 chỗ	cái	58	10	3	5	50	5	5	5	23	15
	+ Xe 4-7 chỗ	cái	39	27	25	30	50	15	21	44	18	50
	- Số ô tô tải có thẻ huy động	cái	17	45	13	25	60	1		31	25	17
	- Số xe (ủi, xúc) huy động	cái	3		12	15	10	2	8	16	9	5
	- Xe cứu thương	cái	1	4	2	4	10	2	1	3	2	3

Ghi chú: Số lượng vật tư, phương tiện, trang thiết bị có thẻ huy động để ứng phó

Phụ lục 6
TỔNG HỢP PHƯƠNG TIỆN DỰ KIẾN HUY ĐỘNG BẢO VỆ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

STT	Đơn vị	Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm										Tổng nhân lực
		Máy xúc	Ô tô tải	Xe ben	Ghe, thuyền	Máy cưa	Rửa	Máy kéo	Xe ủi			
1	Phước Long	2	28	9	2	14	700	6				763
2	Chơn Thành	5	45	18	0	15	500	0				531
3	Đồng Phú	11	11	11	0	11	1.100	11				1.100
4	Bù Đăng	15	25	15	20	50	100	20				247

5	Lộc Ninh	20	10	104	0	32	400	5	4	300
6	Phú Riềng	10	15	10	0	40	120	5	2	240
7	Bù Gia Mập	21	16	15	11	35	850	16	8	972
8	Hớn Quản	15	10	30	5	10	250	20	3	502
9	Bình Long	2	8	2	0	10	70	0	2	94
10	Bù Đốp	5	17	17	2	14	700	7	4	870
11	Đồng Xoài	10	20	25	1	15	150	02	6	229

Phụ lục 7
NGUỒN NHÂN LỰC HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI NĂM 2021

Đơn vị tính: Người

STT	Lực lượng	Tổng cộng	Phước Long	Chơn Thành	Đồng Phú	Bù Đẳng	Lộc Ninh	Phú Riềng	Bù Gia Mập	Hớn Quản	Bình Long	Bù Đốp	Đồng Xoài
1	Quân đội (tinh đội, huyện đội)	1.010	55	98	55	450	73	20	30	22	42	70	95
2	Bộ đội biên phòng	110	0	0	0	0	23		40		0	30	17
3	Công an	1.011	21	54	33	310	89	40	24	222	53	21	144
4	Y tế	881	14	45	22	350	39	110	16	171	35	14	65
5	Thanh niên tình nguyện	1.080	105	45	165	320	47		80		84	105	129
6	Doanh nghiệp huy động	707	29	45	33	244	70	120	28	44	0	34	60
7	Hội chữ thập đỏ	676	14	18	22	378	37	4	16	30	71	14	72
8	Dân quân tự vệ	1.806	35	54	55	96	87	13	40	346	767	35	278
9	Hội phụ nữ	753	21	18	22	378	98	5	24	31	116	21	19
10	Lực lượng xung kích	4.795	403	270	550	1.152	102	358	368	502	195	425	470
11	Hội nông dân, đoàn thể khác	1.988	35	72	55	1.280	156	15	40	98	107	35	95
12	Thành viên BCH, VPTT	702	21	90	33	22	97	20	32	103	36	21	227
13	Cán bộ công nhân viên chức	2.194	35	45	55	528	114	75	48	1.084	125	35	50



14	Lực lượng khác	2.271	90	45	220	133	1.428	90	75	90	100
----	----------------	-------	----	----	-----	-----	-------	----	----	----	-----

Phụ lục 8
THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM

STT	PHẠM VI	Lương thực, thực phẩm					Nước uống đóng chai	Nhiên liệu				Hóa chất khử trùng			Thiết bị xử lý nước	Dự trữ phòng chống dịch		
		Lương khô	Mi tôm	Gạo	Thực phẩm	Đồ hộp		Chất đốt	Dầu diesel	Xăng	Dầu hỏa	Phèn chua	Clorammin B	Vôi bột				
1	Phước Long	6.720	20.160	3.360	1.344	672	6.720	1.780,8					120	1.200	2,4	24		
2	Chơn Thành		2.700	500	180	45	1.500	0	450	150	50			130	2.750	11	55	
3	Đông Phú	18.500	51.500	13.000	3.700	1.850	18.500	5.500	2.200	4.500	2.600			160	320.000	80	8.000	
4	Bù Đăng	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	160.000	8.000	160.000	160.000			160	320.000	80	8.000	
5	Lộc Ninh	14.600	41.040	6.660	2.682	1.444	14.440	3.180,4						250	2.540	5,8	54	
6	Phú Riềng		2.500	2.015	503	100	2.000		2.200	3.000				100		100		
7	Bù Gia Mập	20.000	6.600	8.000	950	2.200	4.800	2.500		4.800				245	4700	23	68	
8	Hớn Quản		7.250	23.100	5.490	6.160	29.900		2.000	3.000	1.000			300		30		
9	Bình Long	0	16.400	9.400	11.000	5.500	18.000	1.400	1.800	340	90			4,02	1.000	4		

10	Bù Đốp		10.500	7.000	3.500	672	7.000	2.100			14	1.050	14	21
11	Đông Xoài	1.500	2.000	5.000	1.000	400	3.000	500	5.000	1.000	5	1.000	2,5	

Phụ lục 9
NGUỒN NHÂN LỰC TẠI VĂN PHÒNG THƯỜNG TRƯỞNG BCH PCTT CÁC CẤP

STT	Tỉnh	Dưới đại học	Trình độ đại học	Trên đại học	Tổng	Kinh nghiệm trên 10 năm	Kinh nghiệm 5-10 năm	Ghi chú
I	Cấp tỉnh							
	VPTT tỉnh	0	15	9	16	10	5	01 lái xe
II	Cấp huyện/thị							
1	Phước Long	1	4	0	5		3	
2	Chơn Thành	0	2	0	4	0	3	
3	Đông Phú	0	4	1	5	3	2	
4	Bù Đăng	0	5	0	5	1	4	
5	Lộc Ninh	0	6	0	6	0	4	
6	Phú Riềng	0	3	1	4	2	2	
7	Bù Gia Mập	0	3	2	5	0	3	
8	Hớn Quản	0	6	0	6	0	6	
9	Bình Long	0	5	0	5	5	0	
10	Bù Đốp	0	5	1	6	5	1	
11	Đông Xoài	0	3	2	5	3	2	

Phụ lục 10

CÁC TRẬN LŨ QUÉT, SẮT LỬ ĐẤT LỚN ĐÃ XÂY RA TỪ NĂM 2016 ĐẾN 2020

1. Thông tin về các trận lũ quét, sạt lở đất đã xảy ra từ năm 2016 đến năm 2020:

STT	Thời gian xảy ra (Ngày/tháng/năm)	Địa điểm (Thôn/ấp, xã, huyện)	Nguyên nhân chính	Thiệt hại	Ảnh hưởng đến cuộc sống người dân và phát triển KTXH	Nguy cơ xảy ra tiếp
I						
Lũ quét						
1	07/8/2019	Thôn Sơn Phú, xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng	Sự cố thủy điện Đăk Kar	182ha diện tích hoa màu và cây công nghiệp lâu năm, tài sản khác (máy tưới, nhà cửa, vật kiến trúc: trôi 02 cây cầu dân sinh; ước thiệt hại trên 06 tỷ đồng)	Ảnh hưởng trên 340 hộ dân tại xã Phú Sơn và xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	Có nguy cơ tiếp tục xảy ra nếu không được cảnh báo kịp thời.
2	08/8/2019	Thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	Thủy điện xả lũ đầu nguồn + mưa lớn kéo dài	32ha hoa màu và cây công nghiệp của người dân, ước thiệt hại trên 01 tỷ đồng	Ảnh hưởng 3 hộ dân tại thôn 1, xã Đoàn Kết	Có nguy cơ tiếp tục xảy ra nếu không được cảnh báo kịp thời.
II						
Sạt lở đất						
1	09/10/2020 đến ngày 12/10/2020	Tuyến đường DT755B, đoạn Sao Bông - Dăng Hà, km 16+00 đến 21+00	Mưa lớn nhiều ngày gây sạt lở đất	Gây ách tắc giao thông nhiều ngày trên tuyến này, ước thiệt hại trên 10 tỷ đồng	Ảnh hưởng lưu thông của người dân trên địa bàn 02 xã Thống Nhất và xã Dăng Hà	Có nguy cơ tiếp tục xảy ra
2	12/10/2020	Thôn 5, xã Dăng Hà, huyện Bù Đăng	Mưa lớn gây sạt lở 02 căn nhà của hộ dân tại	Vùi lấp 02 căn nhà, ước thiệt hại trên	Cuộc sống của các hộ dân sống dọc hai bờ	Rất nguy cơ

			xã Đăng Hà	400 triệu đồng	sông Đồng Nai có nguy cơ bị sạt lở xuống sông Đồng Nai	
--	--	--	------------	----------------	--	--

2. Những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất:

STT	Thôn, ấp/ Xã/Huyện	Số hộ dân ảnh hưởng	Lũ quét	Sạt lở đất
1	Thị xã Phước Long (4 điểm) Đường 6/1 (Đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Cầu Đăk Lung), phường Thác Mơ Dọc sông Bé thuộc khu phố 4,8 phường Thác Mơ Dọc sông Bé khu phố 5 phường Long Thủy Dọc sông Bé thôn An Lương xã Long Giang	20 30 15 100	Không có nguy cơ Không có nguy cơ Không có nguy cơ Không có nguy cơ	Nguy cơ thấp Nguy cơ thấp Nguy cơ thấp Nguy cơ thấp
2	Huyện Đồng Phú (4 điểm) Khu vực cầu 11 xã Đồng Tâm Khu vực ấp 2,4, cầu 2 xã Đồng Tiến Khu vực ven suối Rạt xã Tân Phước, Tân Hưng Khu vực cầu Cừ xã Tân Hưng	15 100 25 5	Không có nguy cơ Không có nguy cơ Không có nguy cơ Không có nguy cơ	Không có nguy cơ Không có nguy cơ Không có nguy cơ Không có nguy cơ
3	Huyện Bù Đăng Tại xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	250 hộ (875 nhân khẩu)	x	x
4	Tại các thôn 3,4,5 thuộc xã Đăng Hà Thành phố Đồng Xoài	281 hộ (1.199 nhân khẩu)	x	x

	Khu phố 1,3 phường Tân Đông	54	Không có nguy cơ	Không có nguy cơ
	Khu phố Xuân Đông, phường Tân Thiện	157	Không có nguy cơ	Không có nguy cơ
	Khu Phước Bình, Phước An, phường Tân Xuân	12	Không có nguy cơ	Không có nguy cơ

3. Công tác phòng, chống lũ quét, sạt lở đất của địa phương:

Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân di dời ra khỏi khu vực có nguy cơ sạt lở, xây dựng phương án sơ tán dân khi có lũ quét và sạt lở đất.

4. Công tác ứng phó với lũ quét, sạt lở đất và khắc phục hậu quả:

Xây dựng phương án ứng phó với lũ quét và sạt lở đất, huy động ứng cứu khi có thiên tai xảy ra theo kịch bản, phương án đã xây dựng; hỗ trợ người dân ổn định đời sống khi có thiên tai xảy ra.

5. Những vấn đề cần quan tâm nhất của địa phương về lũ quét, sạt lở đất:

Những hộ dân sống hai bên bờ sông Đông Nai, huyện Bù Đăng có nguy cơ sạt lở cao.

6. Kinh nghiệm về phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại địa phương:

Sử dụng phương án “4 tại chỗ”, huy động lực lượng tăng cường khi có tình huống khẩn cấp, tuyên truyền, vận động, thuyết phục...

7. Kiến nghị:

Bổ trí kinh phí xây dựng hệ thống bờ kè suối Đăk Woa, thuộc địa bàn thị trấn Đức Phong, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng. Bổ trí ngân sách di dời các hộ dân có nguy cơ sạt lở bờ sông tại xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng.